

Số: 46./QĐ-FTS

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp
Ngành/nghề đào tạo Tiếng Nhật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động TBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp Ngành, Nghề Tiếng Nhật.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành/nghề: Tiếng Nhật. Chương trình được áp dụng giảng dạy các lớp Trung cấp ngành/nghề: Tiếng Nhật của Trường Trung cấp Ngoại thương.

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Đào tạo, các Phòng, Khoa và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các phòng, khoa;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 46/QĐ-FTS, ngày 08 tháng 06 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Ngoại thương)

Tên ngành, nghề:	Tiếng Nhật
Mã ngành, nghề:	5220212
Trình độ đào tạo:	Trung cấp
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.
Hình thức tuyển sinh:	Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ THCS

Thời gian đào tạo: (năm học)

- Thời gian đào tạo: 02 năm (20 tháng).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

Ngành Tiếng Nhật trình độ Trung cấp được định hướng theo chuyên ngành tiếng Nhật tổng hợp ứng dụng, đặt mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, có năng lực tiếng Nhật đạt chuẩn quốc tế và sử dụng tiếng Nhật tốt tại các doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội, tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc viết theo định hướng tiếng Nhật tổng hợp dựa trên chương trình đào tạo ở trình độ năng lực tiếng Nhật Bản cấp độ 3 (tương đương năng lực tiếng Nhật Bản quốc tế JLPT N3), và có khả năng học liên thông lên bậc Đại học.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

Vận dụng được những kiến thức về Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình làm việc và cuộc sống. Hiểu, biết và thực hiện tốt các nhiệm vụ về quốc phòng – an ninh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiểu được nội dung chính của các đoạn hội thoại về các chủ đề gần gũi với cuộc sống hoặc các cuộc hội thoại tự do với những người xung quanh. Hội thoại được về những chủ đề gần gũi trong cuộc sống

Đọc hiểu được nội dung câu chuyện ngắn, bưu thiếp, email, những thông tin cần thiết, bảng thông báo. Viết được một cách đơn giản về chủ đề gần gũi với cuộc sống, về kế

hoạch, ý kiến bản thân

Áp dụng kiến thức tổng quát về các lĩnh vực soạn thảo văn bản, thương mại, du lịch, tiếp thị, . . . để làm các công việc văn phòng tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ trong và ngoài nước

Khái quát hóa được kiến thức về thương mại, ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán của người Việt Nam và Nhật Bản

Hoàn tất kiến thức tương đương Chứng chỉ Năng lực Nhật ngữ Quốc tế (JLPT) cấp 3 (N3)

1.2.2 Kỹ năng:

Nghe hiểu để ghi nhận và chuyển tiếp thông tin đơn giản rõ ràng về các chủ đề liên quan tới cuộc sống, học tập và làm việc trong môi trường giao tiếp trực tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, diễn đàn... và việc học tập hằng ngày.

Nghe và xác định được ý chính trong các bài nói, cuộc đối thoại, thảo luận thông thường hoặc thương mại về các chủ đề phổ biến.

Nghe hiểu được các ý chi tiết trong các bài nói để điền đơn, bảng biểu, biểu đồ, sơ đồ, ghi chú với các chủ đề liên quan tới việc học tập và công việc.

Giao tiếp, trao đổi thông tin, trình bày ý kiến về các vấn đề xã hội, gia đình và các tình huống thương mại, công sở.

Hình thành kỹ năng ứng khẩu có sức thuyết phục, ngắt lời và làm rõ nghĩa, kỹ năng nghe để nắm thông tin, kỹ năng thảo luận nhóm, tham gia diễn đàn và câu lạc bộ.

Đọc, phân loại, sắp xếp và đánh giá các tài liệu tiếng Nhật thông thường hoặc về thương mại, văn phòng và giao dịch.

Đọc hiểu các loại hợp đồng và văn kiện thương mại, thư tín thương mại, email.

Phát triển kỹ năng đọc lướt, đọc lấy thông tin và đưa ra các suy luận hoặc đánh giá.

Soạn thảo các hợp đồng thương mại cơ bản, tài liệu kinh doanh, thư tín thương mại cơ bản, viết email tiếng Nhật, ghi chép trong các buổi họp có sử dụng tiếng Nhật.

Viết, so sánh, đối chiếu các biểu đồ, bảng dữ liệu thông thường trong kinh doanh thương mại. Dịch được các tài liệu phổ thông và thương mại cơ bản.

1.2.3 Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, hiếu và chấp Hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước và có phẩm chất chính trị trong sáng.

Có thái độ tích cực, nghiêm túc và siêng năng. Có ý thức làm việc tự chủ độc lập, đề cao tính hiệu quả và ý thức làm việc theo nhóm, ý thức tận tụy công việc, ý thức tự giác trong xử lý, phân tích vấn đề và ý thức cố gắng vươn lên trong học tập và cuộc sống. Có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống và làm việc trong xã hội công nghiệp.

Luôn có ý thức học tập, rèn luyện và trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng với thay đổi yêu cầu công việc. Tự tin, tư duy năng động.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp ngành Tiếng Nhật, sinh viên có thể làm việc trong nhiều lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Nhật như Giáo dục, Quản trị bán hàng, Dịch vụ khách hàng, Hành chính, Nhân sự, Tiếp thị, Quảng cáo, Đối ngoại, như: Nhân viên văn phòng; Thư ký; Nhân viên tiếp thị; Nhân viên kinh doanh/Giao dịch viên; Nhân viên chăm sóc khách Hàng; Nhân viên Hành chính; Nhân viên nhân sự; Trợ lý giám đốc

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 20
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 54 tín chỉ - 1410 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1110 giờ
- Khối lượng lý thuyết (bao gồm cả số giờ kiểm tra): 410 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1180 giờ

1. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1

MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ (tiếng Anh cơ sở)	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	40	1110	265	1004	21
<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	10	165	130	28	7
MH07	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	28	2
MH08	Lịch sử Văn hóa - Xã hội Nhật Bản	2	30	29		1
MH09	Ngữ pháp Tiếng Nhật 1	3	45	43		2
MH10	Ngữ pháp Tiếng Nhật 2	3	45	43		2
<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	30	945	135	976	14
MH11	Viết Tiếng Nhật 1	3	75	20	53	2
MH12	Viết Tiếng Nhật 2	3	75	20	53	2
MH13	Nghe - nói tiếng Nhật 1	3	75	20	53	2
MH14	Nghe - nói tiếng Nhật 2	3	75	20	53	2
MH15	Đọc hiểu Tiếng Nhật 1	3	75	20	53	2
MH16	Đọc hiểu Tiếng Nhật 2	3	75	20	53	2
MH17	Tiếng Nhật thương mại	2	45	15	28	2
MH18	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	450		450	
III	Các môn học, mô đun tự chọn	2	45	15	28	2
MH19	Tiếng Nhật văn phòng	2	45	15	28	2

MH20	Năng lực tiếng Nhật	2	45	15	28	2
Tổng cộng		54	1410	374	1180	36

4.Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xây dựng và ban hành để áp dụng bao gồm:

Chương trình Giáo dục Quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Tin học theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Giáo dục thể chất theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Pháp luật theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018;

Chương trình Giáo dục chính trị theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 6 tháng 12 năm 2018;

Chương trình Tiếng Anh theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH, ngày 17 tháng 1 năm 2019.

4.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 11 tháng 3 năm 2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Trung cấp.

- Ngoài đi thực tế ngành, thực tập tốt nghiệp; mỗi năm học tổ chức từ 1 đến 2 tuần cho sinh viên đi hoạt động ngoại khóa, đi thăm quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các công ty trong lĩnh vực ngành đào tạo

4.3 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và thi kết thúc môn học, mô đun

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp;

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Ngô Văn Cường